

HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Thuý Vân*

Đầu tư phát triển ngành công nghiệp có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Trong thời gian qua, tỉnh Thái Nguyên đã cơ bản đạt được mục tiêu trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển công nghiệp. Cơ cấu vốn được điều chỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn ngoài nhà nước, vốn FDI. Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên đã xác định những giải pháp chủ đạo nhằm huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư phát triển công nghiệp để sớm đưa Thái Nguyên trở thành một tỉnh công nghiệp vào trước năm 2020.

1. Vai trò của ngành công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của khu vực Đông Bắc bộ. Thái Nguyên có tiềm năng rất lớn về phát triển công nghiệp với lợi thế về tài nguyên khoáng sản (Hiện có 176 mỏ và điểm quặng với 34 loại khoáng sản trong đó một số loại có trữ lượng rất lớn như: than antraxit, đá, quặng sắt, quặng chì kẽm, quặng Vonfram, ilmenit, sét xi măng). Trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước (than mỡ trữ lượng trên 15 triệu tấn và than đá trữ lượng khoảng 90 triệu tấn)

tạo thuận lợi cho Thái Nguyên hoạt động đầu tư phát triển trong lĩnh vực nhiệt điện. Khoáng sản vật liệu xây dựng là tiềm năng nguyên liệu rất lớn để sản xuất xi măng, sản xuất đá ốp lát các loại và sản xuất vật liệu xây dựng.

Ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đã được hình thành từ khi bắt đầu hình thành Khu công nghiệp Gang thép năm 1959 và là khu công nghiệp liên hợp kim khí đầu tiên của cả nước. Cùng với sự phát triển chung, ngành công nghiệp đã có những đóng góp tích cực trong sự nghiệp phát triển kinh tế của Tỉnh.

Bảng 1. GDP tỉnh Thái Nguyên theo giá so sánh 1994 phân theo ngành kinh tế

Năm	Tổng số	Nông lâm, thủy sản		Công nghiệp và xây dựng		Dịch vụ	
		Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
2007	4.716,2	1.198,8	24,00	1.932,4	39,54	1.585,0	36,46
2008	5.258,8	1.252,8	23,82	2.248,1	39,86	1.757,9	36,32
2009	5.737,2	1.291,3	22,85	2.511,1	40,62	1.934,8	36,74

* Nguyễn Thị Thuý Vân, Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên.

Bảng 1. GDP tỉnh Thái Nguyên theo giá so sánh 1994 phân theo ngành kinh tế (Tiếp theo)

Chỉ số phát triển (%)				
Năm	Tổng số	Nông lâm, thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2007	112,46	104,59	118,39	112,00
2008	111,50	104,50	116,34	110,91
2009	109,10	103,08	111,70	110,06
Mức đóng góp của các khu vực trong tốc độ tăng trưởng chung (%)				
2007	12,46	1,26	7,16	4,05
2008	11,50	1,14	6,69	3,67
2009	9,01	0,73	4,92	3,36

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009.

Tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP của tỉnh cao hơn ngành nông nghiệp, dịch vụ và tăng qua các năm từ 39,54% năm 2007 lên 40,62% năm 2009. Tốc độ tăng trưởng GDP đã tăng đều qua các năm và có sự phân hoá rõ rệt giữa các ngành. Ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất so với ngành nông nghiệp và dịch vụ đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu và khu vực đến Việt Nam nói chung và Thái Nguyên nói riêng, mức tăng trưởng của Tỉnh giảm từ 18,39% trong năm 2007 xuống còn 11,7% vào năm 2009.

Bên cạnh những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của Tỉnh, phát triển ngành công nghiệp còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (ngành sử dụng nhiều tài nguyên và tạo nhiều sức ệt, đối với cơ sở hạ tầng và môi trường) hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong toàn ngành công nghiệp. Công nghiệp nhẹ còn mang tính gia công, giá trị gia tăng và thu nhập người lao động thấp; công nghiệp hỗ trợ và nội địa hoá quy mô còn nhỏ; hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm và doanh

ng nghiệp công nghiệp còn thấp.

Để phát huy lợi thế so sánh của Tỉnh trong phát triển công nghiệp và đạt được mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020, Thái Nguyên cần tạo đòn bẩy cho sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Biện pháp thiết thực nhất cho vấn đề này là cần chú trọng cho hoạt động đầu tư phát triển công nghiệp, tiến hành thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, sử dụng tiết kiệm hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển ngành công nghiệp theo hướng bền vững.

2. Tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Theo quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 – 2010, nếu như nhu cầu về vốn đầu tư phát triển công nghiệp của giai đoạn này là 18.093 tỷ, đồng thì đến năm 2009 đã thu hút và sử dụng 15.735,5 tỷ đồng, đạt 86,97%, về cơ bản đáp ứng yêu cầu về quy mô vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp.

Quy mô vốn đầu tư phát triển công nghiệp liên tục tăng qua các năm trong giai đoạn 2007 – 2009. Thêm vào đó, vốn đầu tư phát triển công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư xã hội.

Bảng 2. Quy mô vốn đầu tư phát triển toàn xã hội và vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tốc độ tăng bình quân (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tổng vốn đầu tư	5.538,1	100	6.893,0	100	7.359,6	100	115,28
Vốn đầu tư phát triển công nghiệp	3.673,2	66,33	4.483	65,04	4.908,8	66,7	115,6

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Có được những kết quả đó là do tỉnh Thái Nguyên đã tích cực cải thiện môi trường đầu tư như thực hiện hoạt động một cửa liên thông thu hút đầu tư và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư. Năm 2007, Tỉnh đã tổ chức thành công Hội thảo Xúc tiến Đầu tư về Thương mại – Du lịch vào Thái Nguyên. Tháng 1/2009, Tỉnh cũng đã tổ chức thành công Hội thảo Xúc tiến Đầu tư đặc biệt vào tỉnh Thái Nguyên. Trong năm 2009, hơn 500 nhà đầu tư nước ngoài thuộc

các quốc gia Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đức, Sec,... đã tiếp xúc với Lãnh đạo tỉnh để tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư.

Vốn đầu tư (VĐT) phát triển công nghiệp (CN) tỉnh Thái Nguyên được hình thành từ ba nguồn chủ yếu. Đó là vốn từ khu vực nhà nước, khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho ngành công nghiệp.

Bảng 3. Vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên phân theo nguồn vốn

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tốc độ tăng bình quân (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
VĐT phát triển CN	3.673,2	100	4.483	100	4.908,8	100	115,6
Vốn Nhà nước	1.806,8	49,19	2.446,2	54,57	2.070,5	42,18	107,05
Vốn ngoài Nhà nước	1.417,4	38,59	1.676,1	37,39	2.358,3	48,04	128,99
Vốn FDI	448,9	12,22	360,6	8,04	480,0	9,78	103,41

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Trong khi nguồn vốn trong nước chiếm tỷ trọng rất lớn thì vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn còn rất khiêm tốn, mặc dù toàn bộ các dự án FDI trong những năm vừa qua đều thuộc vào lĩnh vực công nghiệp. Tính đến hết năm 2009,

ngành công nghiệp chiếm 20 dự án trong tổng số 24 dự án FDI còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh. Riêng dự án khai thác mỏ đá kim Núi Pháo chiếm 83% tổng vốn FDI thực hiện của ngành công nghiệp, do vậy trong năm 2007 khi dự án được đẩy mạnh thực

hiện thì đã làm cho tỷ trọng vốn đầu tư FDI tăng mạnh, đạt 12,2%. Bên cạnh đó, tỷ trọng vốn ngoài nhà nước trong vốn đầu tư phát triển công nghiệp có xu hướng tăng, từ 38,59% năm 2007 lên đến 48,04% năm 2009 và có tốc độ tăng mạnh nhất, đạt 28,99% trong giai đoạn 2007–2009. Điều này cho thấy Tỉnh đã có chính sách phù hợp để huy động mọi nguồn lực trong dân cư và doanh nghiệp khu vực tư nhân trong quá trình phát triển ngành công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

Trong các nhóm ngành công nghiệp thì

vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng giảm dần qua các năm từ 93,5% năm 2007 xuống còn 76,7% năm 2009. Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước, xử lý nước thải có mức tăng mạnh nhất, đạt 162,28% giai đoạn 2007 – 2009. Điều này cho thấy Tỉnh đã chú trọng hơn trong đầu tư phát triển phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển ngành công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường.

Bảng 4. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên phân theo nhóm ngành công nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tốc độ tăng bình quân (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
VDT phát triển CN	3.673,2	100	4.483	100	4.908,8	100	115,6
- Khai khoáng	91,7	2,5	99,9	2,2	138,2	2,8	122,76
- Chế biến, chế tạo	3.435,2	93,5	3.586,8	80,0	3.764,8	76,7	104,69
- SX và phân phối điện nước, xử lý nước thải	146,2	4,0	796,3	17,8	1.005,7	20,5	262,28

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Mặc dù Tỉnh đã cơ bản giải quyết được nhu cầu về vốn cho đầu tư phát triển công nghiệp, cơ cấu vốn tương đối hợp lý theo hướng tăng tỷ trọng vốn đầu tư ngoài nhà nước và vốn FDI, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến sâu nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, nhưng tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước vẫn ở mức cao, chưa tập trung ưu tiên phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp khai thác và chế biến luyện kim. Đây là những ngành thế mạnh của công nghiệp Tỉnh nhưng lại là những ngành sử dụng nhiều tài nguyên và

tạo nhiều sức ép đối với cơ sở hạ tầng và môi trường nên hiệu quả kinh tế xã hội của chúng còn hạn chế.

3. Giải pháp tăng cường huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Quan điểm phát triển công nghiệp của Tỉnh giai đoạn 2011 – 2020 là phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển công nghiệp.

Bảng 5. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 – 2020

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Nhóm ngành	2006 - 2010	2011-2015	2016-2020
1	CN chế tạo máy, điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp	1.320	8.000	19.000
2	CN nhẹ, chế biến nông-lâm-thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng	1.110	4.450	4.550
3	CN sản xuất vật liệu xây dựng	4.140	2.850	2.000
4	CN sản xuất kim loại	5.618	4.400	2.000
5	CN khai thác và chế biến khoáng sản	2.502	2.100	1.500
6	CN điện nước và xử lý chất thải	3.093	2.800	1.000
7	CN hoá chất	310	750	800
8	CN khác	0	2.500	4.500
	Cộng	18.093	27.450	29.750

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Trên cơ sở xác định nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp Tỉnh đã có những giải pháp nhằm huy động vốn như: áp dụng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng thông qua sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường bằng công cụ lãi suất và tín dụng; tăng cường công tác huy động vốn tại địa phương của các ngân hàng quốc doanh và tổ chức tín dụng, hướng luồng vốn vào các ngành, các lĩnh vực cần ưu tiên; chuyển hình thức cho vay bằng thế chấp tài sản sang cho vay theo dự án (đặc biệt ưu tiên ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động và có tỷ lệ giá trị gia tăng cao); hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp và dự án đầu tư tiếp cận các nguồn vốn trên thị trường tài chính thông qua việc tiến hành cổ phần hoá, phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn; nhanh chóng thực hiện cổ phần hoá hoàn toàn các doanh nghiệp mạnh, niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, tạo kênh huy động vốn nhanh để tái đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; đầu tư sâu cho quá trình nghiên cứu phát triển và thiết kế sản phẩm cũng như đổi mới công nghệ; nghiên cứu cơ chế tài chính để huy

động nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển thông qua phát hành trái phiếu nhà nước, trái phiếu công trình và các hình thức khác; thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về chính sách giảm, gia hạn thuế, điều chỉnh thuế suất của Chính phủ.

Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước (NSNN), cần nâng mức tỉ lệ chi cho đầu tư phát triển trong cơ cấu chi NSNN lên và dành phần lớn chi cho phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng công nghiệp, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí, hiệu quả thấp.

Đối với việc tạo vốn thông qua tín dụng thương mại, để tạo sức hút đầu tư cho các thành phần kinh tế, ngân hàng cần cải tiến thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc vay vốn như: nới rộng điều kiện thế chấp (có thể thế chấp bằng tài sản và đất đai doanh nghiệp với tỉ lệ hợp lý); góp vốn cổ phần đầu tư vào doanh nghiệp; áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho những khoản vay dài hạn để đầu tư phát triển công nghiệp; đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến việc vay, thế chấp, giải ngân; áp dụng chính sách tạo vốn đầu

tư thông qua công cụ cho thuê tài chính, nhất là cho thuê tài chính của các tổ chức nước ngoài.

Đối với dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu vào ngành công nghiệp, nếu nhà đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng thì được Ngân hàng Phát triển hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc được bảo lãnh tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định số 106/2004/ND-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ.

Cần áp dụng nhiều hình thức huy động vốn trong dân và các tổ chức kinh tế như: quỹ tiết kiệm; phát hành sổ sổ; phát hành tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu; tạo vốn từ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp.

Tình cần có chính sách thu hút các dự án đầu tư theo hình thức BOT đối với các công trình cấp nước, xử lý nước thải các khu chức năng, trong đó ngân sách có thể hỗ trợ một phần để bảo đảm giá nước cấp và chi phí xử lý nước thải phù hợp, tạo điều kiện thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN).

Bên cạnh các giải pháp nhằm huy động vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển công nghiệp, Tỉnh cần phải chú trọng hoàn thiện công tác quản lý hoạt động đầu tư, tập trung phát triển các KCN và các làng nghề, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng bền vững gắn với công tác bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương (2007), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

GS. Nguyễn Đình Phan, GS. Kế Tuấn (2006), *Giáo trình Kinh tế công nghiệp*, NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội .

PGS. TS. Vũ Thị Ngọc Phùng (2007), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội .

Cục Thống kê Thái Nguyên (2010), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2009*, NXB Thống kê, Hà Nội

Các chiến lược phát triển ngành công nghiệp hoá chất , điện, cơ khí, ô tô, dệt may,... đến 2010, tầm nhìn đến 2020.

Định hướng phát triển ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2010.

Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020

Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh thái Nguyên đến năm 2020..

Các báo cáo tổng kết tình hình thực hiện của Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

Các trang báo điện tử của Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Thái Nguyên.